

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán*



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-28
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-28



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM
Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Phố Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPDC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPDC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Phố Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	
Ông Khổng Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	
Bà Lê Hồng Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012
Bà Nguyễn Mai Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012
Ông Trần Vũ Thái Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012
Ông Nguyễn An Thanh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012
Ông Hoàng Đình Kế	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2012

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Đình Kế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khổng Đức Thiện	Giám đốc tài chính

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Phố Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hình

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2013



Số: 289/2013/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM được lập ngày 15 tháng 03 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tại 31/12/2012, Giá trị hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác là 63.578.880.000 VND (Chi tiết Thuyết minh số 5) chưa được Công ty thực hiện đánh giá và xem xét trích lập dự phòng cho các hợp đồng này;

Trong năm, Công ty chưa trích trước Chi phí tiền lương tháng 13 phải trả nhân viên với số tiền là 182.150.000 VND

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các cổ



Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Nguyễn Quốc Đông
Phó Tổng Giám đốc
Chung chỉ Kiểm toán viên số: 0285/KTV
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Phạm Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chung chỉ Kiểm toán viên số: 0777/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		94.185.270.710	380.174.070.378
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.246.750.876	8.215.512.008
111	1. Tiền		1.246.750.876	8.215.512.008
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	73.628.880.000	345.831.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		73.628.880.000	345.831.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	13.751.015.729	15.526.742.757
132	2. Trả trước cho người bán		278.560.946	176.900.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		233.105.880	243.379.248
138	5. Các khoản phải thu khác		14.151.866.930	15.106.463.509
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(912.518.027)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.558.624.105	10.600.815.613
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		32.116.750	73.602.277
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		527.826	527.826
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	23.266.875	2.442.478
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	5.502.712.654	10.524.243.032
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		487.763.643.784	153.939.891.589
220	II. Tài sản cố định		1.443.294.993	2.903.810.355
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	757.442.452	1.437.874.987
222	- Nguyên giá		4.677.967.649	4.651.587.649
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.920.525.197)	(3.213.712.662)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	685.852.541	1.465.935.368
228	- Nguyên giá		4.501.669.738	4.501.669.738
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.815.817.197)	(3.035.734.370)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	485.000.000.000	150.000.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		485.000.000.000	150.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.320.348.791	1.036.081.234
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	11.870.830	107.851.464
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	985.477.961	432.429.770
268	4. Tài sản dài hạn khác		323.000.000	475.800.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		581.948.914.494	534.113.961.967

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		380.937.412.145	333.176.205.536
310	I. Nợ ngắn hạn		380.937.412.145	333.176.205.536
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	294.631.520.000	300.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		1.355.080.355	739.085.159
313	3. Người mua trả tiền trước		73.000.000	73.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.621.258	73.747.726
315	5. Phải trả người lao động		8.500.000	289.770.228
316	6. Chi phí phải trả	16	83.485.027.504	28.008.888.357
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	161.968.627	351.285.822
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	1.126.137.859	3.480.706.052
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	195.450
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		86.556.542	159.526.542
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		201.011.502.349	200.937.756.631
410	I. Vốn chủ sở hữu		201.011.502.349	200.937.756.631
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	200.000.000.000	200.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	87.438.309
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		361.771.417	358.084.131
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		128.599.156	124.911.870
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	433.693.467	367.322.321
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		581.948.914.494	534.113.961.967

PHIẾU
 CÔNG
 CHỨNG
 KẾ
 TOÁN
 KẾT
 CẤM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
006	6. Chứng khoán lưu ký		1.007.840.000	115.827.590.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		1.007.840.000	115.827.590.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.007.840.000	115.827.590.000

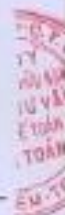


Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng




Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2013



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu	20	73.285.273.940	107.849.208.702
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		894.008.699	9.143.595.693
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		71.441.011.896	96.498.384.478
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		3.500.000	150.000.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		5.208.671	-
01.9	Doanh thu khác		941.544.674	2.057.228.531
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	20	73.285.273.940	107.849.208.702
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	63.476.076.647	95.243.255.516
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		9.809.197.293	12.605.953.186
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	9.683.654.130	12.421.516.129
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		125.543.163	184.437.057
31	8. Thu nhập khác		5.720	-
32	9. Chi phí khác		20.426.411	60.000.000
40	10. Lợi nhuận khác		(20.420.691)	(60.000.000)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		105.122.472	124.437.057
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	31.376.754	46.109.264
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		73.745.718	78.327.793
70	15. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	24	4	5


Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		39.608.729.646	123.154.316.271
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(905.837.603)	(19.858.734.731)
05	3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		(455.168.444)	(189.779.146)
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		265.356.752.470	2.611.468.752.881
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(267.671.314.163)	(3.057.673.279.093)
08	6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành		-	(2.182.964.250)
09	7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	(4.535.417.203)
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(2.814.873.050)	(48.650.125.900)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(3.310.196.646)	(133.333.776)
12	10. Tiền chi trả lãi vay		(7.000.000.000)	195.115.199.915
13	11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(71.654.784)	(206.912.713.292)
14	12. Tiền thu khác		6.987.472.404	-
15	13. Tiền chi khác		(1.167.320.268)	-
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</i>		28.556.589.562	(410.398.578.524)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(26.380.000)	(2.502.706.734)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(756.390.000.000)	(1.108.062.111.111)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		726.172.651.130	1.290.569.739.111
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		86.858.176	-
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		(30.156.870.694)	180.004.921.266
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	65.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.368.480.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(5.368.480.000)	65.000.000.000
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		(6.968.761.132)	(165.393.657.058)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.215.512.008	173.609.169.966
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		1.246.750.876	8.215.512.008


Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng


Phạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Năm 2012

Năm 2012	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	-	-	87.438.309
Quỹ dự phòng tài chính		558.094.131	3.687.286	-	561.771.417
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		124.911.870	3.687.286	-	128.599.156
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	367.322.321	13.745.718	(7.374.572)	433.693.467
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		280.937.756.631	81.376.299	(7.374.572)	284.011.502.349

Năm 2011	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	135.000.000.000	65.000.000.000	-	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		-	87.438.309	-	87.438.309
Quỹ dự phòng tài chính		45.804.456	312.279.675	-	358.084.131
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	124.911.870	-	124.911.870
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	1.438.183.782	78.527.793	(1.149.189.204)	367.322.321
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		126.483.988.188	65.602.967.647	(1.149.189.204)	200.937.756.631

Nguyen Tai Thanh Van

Nguyễn Tài Thanh Văn
 Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng
 Quản trị

Lớp, ngày 13 tháng 03 năm 2013



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Giá Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Phố Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trong năm 2012, do ảnh hưởng của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, hoạt động môi giới chứng khoán của Công ty giảm mạnh, Công ty tập trung chủ yếu vào lĩnh vực hoạt động đầu tư chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

TRƯỞNG
KẾ TÍNH TOÁN
VỤ TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi Ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngưng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lợi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Trong năm, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế để trích lập Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Quỹ Dự trữ bắt buộc, mỗi quỹ là 5% trên Lợi nhuận sau thuế TNDN theo qui định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

CÔNG TY
 CHỨNG
 KHOÁN
 VSM
 KIỂM

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
	VND	
Của Công ty Chứng khoán	1.650.820	871.750.000.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.650.000	36.750.000.000
- Trái phiếu chưa niêm yết	820	835.000.000.000
Của người đầu tư	52.566.588	531.320.251.600
- Cổ phiếu	52.566.588	531.320.251.600
	<u>54.217.408</u>	<u>1.403.070.251.600</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	
Tiền mặt tại quỹ	42.388.731	8.110.974
Tiền gửi ngân hàng	38.004.938	4.547.255.441
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.166.357.207	3.651.252.974
Tiền gửi về bán chứng khoán báo lnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	8.892.615
	<u>1.246.750.876</u>	<u>8.215.512.008</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Phố Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
	VND		VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Chứng khoán thương mại (1)	712.500	2.362.700	10.050.000.000	246.800.000.000	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu	712.500	2.362.500	10.050.000.000	46.800.000.000	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP VPI Việt Nam	712.500	712.500	10.050.000.000	10.050.000.000	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Không sản và XD Hà Nội	-	900.000	-	18.000.000.000	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Thông Long Digital	-	750.000	-	18.750.000.000	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu	-	200	-	200.000.000.000	-	-	-	-	-	-
- Công ty TNHH Create Capital VN	-	120	-	120.000.000.000	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP GoldStar Việt Nam	-	80	-	80.000.000.000	-	-	-	-	-	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác (1)	-	-	63.578.880.000	99.031.000.000	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	63.578.880.000	99.031.000.000	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	712.500	2.362.700	73.628.880.000	345.831.000.000	-	-	-	-	-	-

(1): Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu chưa niêm yết, dự phòng giảm giá chứng khoán chưa được trích lập do chưa xác định được giá trị trường của các cổ phiếu (1). Đây là giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác; Công ty được hưởng lãi suất 17%/ năm; Thời gian hợp tác là 12 tháng; Tài sản đảm bảo của hợp đồng là các chứng khoán được đầu tư bằng nguồn vốn hợp tác đầu tư và các chứng khoán có trên tài khoản của các cá nhân nhận hợp tác đầu tư.

Trong tình hình khó khăn của Thị trường Chứng khoán Việt Nam, Lãi suất của các Hợp đồng hợp tác đầu tư được điều chỉnh theo Biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban điều hành số 03/2012/HĐQT-VSM ngày 24/07/2012 và số 04/2012/HĐQT-VSM ngày 17/10/2012 và việc "Mất, giảm một phần lãi suất để hỗ trợ Khách hàng trong kinh doanh Chứng khoán". Theo đó Lãi suất Công ty được hưởng từ các Hợp đồng hợp tác kinh doanh từ ngày 01/10/2012 đến 12/12/2012 là 9% năm; Lãi suất từ ngày 13/12/2012 đến ngày 31/12/2012 là 0% (áp dụng đối với các Hợp đồng trả tiền nợ gốc trước ngày 31/12/2012); Lãi suất sau ngày 31/12/2012 là 9% năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSSM
 Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Phố Đào Duy Anh,
 Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số dự	
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	phòng dự lập VND
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Trích trước cho người bán	176.900.000	149.400.000	-	27.500.000	278.566.946	149.400.000	149.400.000	(149.400.000)
- Ứng trước cho Công ty Truyền thông TH	104.400.000	104.400.000	-	-	104.400.000	104.400.000	104.400.000	(104.400.000)
- Ứng trước cho Công ty Hợp nhất	45.000.000	45.000.000	-	-	45.000.000	45.000.000	45.000.000	(45.000.000)
- Các khoản ứng trước khác	27.500.000	-	129.160.946	-	129.160.946	-	-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	243.379.248	-	111.604.958	121.878.326	233.405.888	-	-	-
- Phải thu lãi phát hành và GD chứng khoán	243.379.248	-	111.604.958	121.878.326	233.405.888	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	15.106.463.509	-	642.516.229.316	643.470.825.895	14.151.866.930	-	763.118.027	(763.118.027)
- Phải thu tiền bán tài sản	11.677.261.111	-	581.940.384.401	296.617.765.602	1.097.538.333	-	-	-
- Phải thu có HUD ty đặc quản lý danh mục	1.087.538.333	-	11.734.175.394	8.483.833.517	3.250.341.877	-	549.190.500	(549.190.500)
- Phải thu lãi từ HĐ hợp tác đầu tư	-	-	10.537.500.000	-	10.537.500.000	-	-	-
- Phải thu lãi với người đầu tư	-	-	35.304.169.431	37.271.708.443	364.025.053	-	213.927.527	(213.927.527)
- Các khoản phải thu khác	2.331.564.065	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	15.526.742.757	149.400.000	642.756.995.229	643.629.204.221	14.663.533.756	149.400.000	912.518.027	(912.518.027)



Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác đối:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Số sử dụng trong năm	-	-
Số trích lập/hoàn nhập trong năm	(912.518.027)	-
Số dư cuối năm	<u>(912.518.027)</u>	<u>-</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.348.986	2.442.478
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	20.917.889	-
	<u>23.266.875</u>	<u>2.442.478</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	132.712.654	514.243.032
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.370.000.000	10.010.000.000
	<u>5.502.712.654</u>	<u>10.524.243.032</u>

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	14.800.000	4.636.787.649	4.651.587.649
Số tăng trong năm	-	26.380.000	26.380.000
- Mua sắm mới	-	26.380.000	26.380.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>14.800.000</u>	<u>4.663.167.649</u>	<u>4.677.967.649</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	9.250.002	3.204.463.660	3.213.712.662
Số tăng trong năm	2.466.672	704.345.863	706.812.535
- Trích khấu hao	2.466.672	704.345.863	706.812.535
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>11.716.674</u>	<u>3.908.808.523</u>	<u>3.928.525.197</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	<u>5.549.998</u>	<u>1.432.324.989</u>	<u>1.437.874.987</u>
Số dư cuối năm	<u>3.083.326</u>	<u>754.359.126</u>	<u>757.442.452</u>

Trong đó
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.690.445.205

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	4.501.669.738	4.501.669.738
Số dư cuối năm	-	4.501.669.738	4.501.669.738
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	3.035.734.370	3.035.734.370
Số tăng trong năm	-	780.082.827	780.082.827
- Trích khấu hao	-	780.082.827	780.082.827
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	3.815.817.197	3.815.817.197
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	-	1.465.935.368	1.465.935.368
Số dư cuối năm	-	685.852.541	685.852.541

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn (i)	485.000.000.000	150.000.000.000
	485.000.000.000	150.000.000.000

(i): Đầu tư chứng khoán dài hạn là các Trái phiếu đầu tư với mục đích sẵn sàng để bán, bao gồm:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trái phiếu Công ty CP Phương Trung; Số lượng 150 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu; Kỳ hạn 5 năm, ngày phát hành là 24/10/2011, ngày đáo hạn là 24/10/2016; Lãi suất năm đầu tiên của trái phiếu là 17,5%/năm; Lãi suất các năm tiếp theo sẽ được điều chỉnh theo lãi suất gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng BIDV tại thời điểm điều chỉnh cộng thêm 3,5%/năm, lãi suất được thanh toán 1 năm 1 lần và vào ngày đáo hạn; Trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo.	-	150.000.000.000

Trái phiếu Công ty CP VFI Việt Nam; Số lượng 235 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu; Kỳ hạn 1 năm, ngày phát hành là 28/09/2012, ngày đáo hạn là 28/09/2013; Lãi suất 15%/ năm, lãi suất được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn; Trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo. Công ty VFI cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu đã phát hành khi có yêu cầu của Công ty Chứng khoán VSM.

235.000.000.000

Đã-O

TỶ
LÝ
TỔNG
KẾ TOÁN
TỔNG

Trái phiếu Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình; Số lượng 150 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu; Kỳ hạn 2 năm, ngày phát hành là 18/12/2012, ngày đáo hạn là 18/12/2014; Lãi suất 15%/ năm, lãi suất được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn; Trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo. Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu đã phát hành khi có yêu cầu của Công ty Chứng khoán VSM.	150.000.000.000	-
Trái phiếu Công ty CP Phương Trung; Số lượng 85 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu; Kỳ hạn 5 năm, ngày phát hành là 24/10/2011, ngày đáo hạn là 24/10/2016; Lãi suất kỳ hạn đầu tiên là 17,5%/năm; Lãi suất kỳ hạn tiếp theo được điều chỉnh theo lãi suất luy động tại thời điểm của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam kỳ hạn 1 năm cộng (+) 3,5%/năm; Lãi suất được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn; Trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo. Công ty CP Phương Trung cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu đã phát hành khi có yêu cầu của Công ty Chứng khoán VSM.	100.000.000.000	-
	<u>485.000.000.000</u>	<u>150.000.000.000</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	107.851.464	68.023.571
Số tăng trong năm	49.885.000	753.905.640
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(145.865.634)	(714.077.747)
Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	<u>11.870.830</u>	<u>107.851.464</u>
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa Văn phòng Công ty chờ phân bổ	-	77.183.700
Tiền thuê văn phòng	3.300.000	-
Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng	8.570.830	30.667.764
	<u>11.870.830</u>	<u>107.851.464</u>

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	783.460.958	328.292.514
Tiền bị phân bổ trong năm	82.017.003	4.137.256
Số dư cuối năm	<u>985.477.961</u>	<u>452.429.770</u>

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2012	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả				
Trái phiếu PH	300.000.000.000	-	(5.368.480.000)	294.631.520.000
Ngân hàng TMCP	300.000.000.000	-	(5.368.480.000)	294.631.520.000
Tiền Phong (i)				
	<u>300.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(5.368.480.000)</u>	<u>294.631.520.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu:

(i): Trái phiếu phát hành theo Hợp đồng số 01/TPB-VSM ngày 29/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Tiền Phong. Số lượng trái phiếu phát hành 300 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/1 trái phiếu; Kỳ hạn 1 năm; Lãi suất thay đổi 3 tháng/lần vào ngày 29 của tháng và bằng lãi suất tiết kiệm thương VND bị trừ sau kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh nhưng không thấp hơn lãi suất kỳ đầu tiên; Lãi suất áp dụng kỳ đầu tiên là 17%/năm; Lãi suất áp dụng trong kỳ này là 20,5%/năm; Tiền bị được thanh toán 3 tháng 1 lần vào ngày 29 của tháng, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày và theo số ngày thực tế trên mệnh giá trái phiếu chưa thanh toán. Hợp đồng đã được gia hạn đến 28/12/2012.

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	19.360.141
Thuế Thu nhập cá nhân	9.621.258	54.387.585
	<u>9.621.258</u>	<u>73.747.726</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	83.451.654.700	27.951.111.110
Chi phí tiền điện, điện thoại	33.372.804	57.777.247
	<u>83.485.027.504</u>	<u>28.008.888.357</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	14.332.749
Bảo hiểm xã hội	49.156.873	8.783.206
Bảo hiểm y tế	5.843.922	1.816.331
Bảo hiểm thất nghiệp	4.287.435	831.435
Thuế TNCN của nhà đầu tư chứng khoán	-	325.512.101
Các khoản phải trả, phải nộp khác	102.680.397	10.000
	<u>161.968.627</u>	<u>351.285.822</u>

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	7.930.813	30.556.546
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	17.380.767
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.118.207.046	3.432.768.739
	<u>1.126.137.859</u>	<u>3.480.706.052</u>

19. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động Vốn đầu tư của Chủ sở hữu và Lợi nhuận chưa phân phối

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND
NĂM 2011			
Số dư đầu năm	135.000.000.000	1.438.183.732	136.438.183.732
Tăng vốn trong năm	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Lãi/lỗ trong năm	-	78.327.793	78.327.793
Trích lập các quỹ	-	(1.149.189.204)	(1.149.189.204)
Số dư cuối năm	<u>200.000.000.000</u>	<u>367.322.321</u>	<u>200.367.322.321</u>
NĂM 2012			
Lãi/lỗ trong năm	-	73.745.718	73.745.718
Trích lập các quỹ	-	(7.374.572)	(7.374.572)
Số dư cuối năm	<u>200.000.000.000</u>	<u>433.693.467</u>	<u>200.433.693.467</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	0,00%	-	0,00%	-
Vốn góp của đối tượng khác	100,00%	200.000.000.000	100,00%	200.000.000.000
	<u>100%</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>200.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	65.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	73.285.273.940	107.849.208.702
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	894.008.699	9.143.595.693
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	71.441.011.896	96.498.384.478
- Doanh thu hoạt động tư vấn	3.500.000	150.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.208.671	-
- Doanh thu khác	941.544.674	2.057.228.531
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	73.285.273.940	107.849.208.702

21 - CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	805.089.648	1.417.829.182
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (i)	62.500.543.590	81.464.578.921
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	89.542.337	262.628.046
Chi phí khác	80.901.652	10.098.219.367
	63.476.076.647	95.243.255.516

(i) Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn trong kỳ là Chi phí trả trái phiếu phải trả.

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.477.231.862	5.747.690.175
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	581.790.878	868.717.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.486.895.362	1.686.695.563
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	912.518.027	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.221.007.436	4.105.751.791
Chi phí khác bằng tiền	1.210.565	9.661.223
	9.683.654.130	12.421.516.129

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.322.472	124.437.057
Các khoản điều chỉnh tăng	20.384.542	60.000.000
- Chi phí không hợp lệ	20.384.542	60.000.000
Tổng thu nhập tính thuế	125.507.014	184.437.057
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	31.376.754	46.109.264
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.376.754	46.109.264
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	19.360.141	107.134.653
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(71.654.784)	(133.883.776)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(20.917.889)	19.360.141

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	73.745.718	78.327.793
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	73.745.718	78.327.793
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	14.589.286
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4	5

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.246.750.876	-	8.215.512.008	-
Phí thu hoạt động giao dịch chứng khoán	233.105.880	-	243.379.248	-
Phải thu khác	14.151.866.930	(763.118.027)	15.106.463.309	-
Đầu tư ngắn hạn	73.628.880.000	-	345.831.000.000	-
Đầu tư dài hạn	485.000.000.000	-	150.000.000.000	-
	<u>574.260.603.686</u>	<u>(763.118.027)</u>	<u>519.396.384.765</u>	<u>-</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	294.631.520.000	300.000.000.000
Phải trả người bán	1.355.080.335	739.085.159
Chi phí phải trả	83.485.027.504	28.608.888.357
Phải trả khác	161.968.627	351.285.822
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.126.137.859	3.480.706.052
	<u>380.759.734.345</u>	<u>332.579.965.390</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đồng sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.246.750.876	-	1.246.750.876
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	233.103.880	-	233.103.880
Phải thu khác	13.388.748.900	-	13.388.748.900
Đầu tư ngắn hạn	73.628.880.000	-	73.628.880.000
Đầu tư dài hạn	-	485.000.000.000	485.000.000.000
	<u>88.497.483.656</u>	<u>485.000.000.000</u>	<u>573.497.483.656</u>
Tại 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.215.512.008	-	8.215.512.008
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	243.379.248	-	243.379.248
Phải thu khác	15.106.463.509	-	15.106.463.509
Đầu tư ngắn hạn	345.831.000.000	-	345.831.000.000
Đầu tư dài hạn	-	150.000.000.000	150.000.000.000
	<u>369.396.354.765</u>	<u>150.000.000.000</u>	<u>519.396.354.765</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở đồng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012		
Vay và nợ	294.631.520.000	294.631.520.000
Phải trả người bán	1.355.080.355	1.355.080.355
Chi phí phải trả	83.485.027.504	83.485.027.504
Phải trả khác	161.968.627	161.968.627
Phải trả hoạt động gí	1.126.137.859	1.126.137.859
	<u>380.759.734.345</u>	<u>380.759.734.345</u>
Tại 01/01/2012		
Vay và nợ	300.000.000.000	300.000.000.000
Phải trả người bán	739.085.159	739.085.159
Chi phí phải trả	28.008.888.357	28.008.888.357
Phải trả khác	351.285.822	351.285.822
Phải trả hoạt động gí	3.480.706.052	3.480.706.052
	<u>332.579.965.390</u>	<u>332.579.965.390</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KÝ KẾ TOÀN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	872.940.045

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2013
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người lập

Kế toán trưởng

Thái Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Thị Hinh

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2013